

Số: 18/QĐ-UBND

Đức Phong, ngày 12 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế hoạt động của Đội dân phòng
trên địa bàn xã Đức Phong**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/5/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy, ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy, ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Theo đề nghị của Trưởng Công an xã Đức Phong.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế hoạt động của “Đội dân phòng các thôn” trên địa bàn xã Đức Phong.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng - Thống kê; Công an xã; Đội dân phòng các thôn; Trưởng thôn, các ban, ngành, đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công an huyện;
- TT.Đảng ủy xã;
- TT.HĐND xã;
- CT, PCT.UBND xã;
- UBMT và các hội, đoàn thể xã;
- Các ngành xã;
- Thành viên Đội Dân Phòng;
- Trưởng thôn các thôn;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Đinh Văn Bé

QUY CHẾ

Hoạt động của các Đội dân phòng trên địa bàn xã Đức Phong
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 12/01/2023
của Chủ tịch UBND xã Đức Phong)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động và chế độ chính sách của lực lượng dân phòng trên địa bàn xã.

Điều 2. Quy chế này áp dụng đối với công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên đang sinh sống trên địa bàn xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tổ chức thực hiện, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn xã Đức Phong.

Điều 3. Lực lượng dân phòng là một trong những lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân tham gia PCCC; được thành lập ở thôn, khu dân cư; là lực lượng quần chúng tự nguyện, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 4. Chức năng của Đội dân phòng

Lực lượng dân phòng có chức năng thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ xảy ra cháy, nổ và tổ chức cứu chữa kịp thời các vụ cháy, nổ và cứu nạn, cứu hộ tại địa phương, phối hợp thực hiện phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phong trào toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội dân phòng

1. Đề xuất việc ban hành quy định, nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

2. Phối hợp với lực lượng Công an - Quân sự xã, Ban công tác mặt trận các thôn tuyên truyền, vận động nhân dân trong thôn, khu dân cư, các hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định, nội quy về phòng, chống cháy, nổ và xây dựng thôn, khu dân cư.

3. Tổ chức nắm tình hình việc chấp hành các quy định về an toàn PCCC tại thôn, khu dân cư, các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã để kịp thời phát hiện sơ hở thiếu sót về PCCC có biện pháp đề nghị, kiến nghị trực tiếp hoặc qua UBND xã, Công an xã khắc phục tồn tại thiếu sót về PCCC trên địa bàn.

4. Đề xuất trang bị các phương tiện, dụng cụ, vật tư cần thiết đủ để thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức phòng cháy và chữa cháy và các biện pháp, kỹ năng cứu nạn, cứu hộ cho Nhân dân; xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy và chữa cháy trong địa bàn dân cư.

5. Tham gia, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PCCC, chuyên môn nghiệp vụ cần thiết về CNCH để nắm vững các kỹ năng, biện pháp trong công tác PCCC và CNCH. Kịp thời triển khai lực lượng và phối hợp với các lực lượng chức năng, quần chúng Nhân dân trong khu vực áp dụng các biện pháp phù hợp cứu người, cứu tài sản và chữa cháy khi có cháy, sự cố, tai nạn xảy ra trên địa bàn quản lý và khi được sự điều động của cấp có thẩm quyền tham gia chữa cháy ở địa bàn khác.

6. Xây dựng tổ chức thực tập, diễn tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn cứu hộ theo thẩm quyền; chuẩn bị lực lượng, phương tiện và thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, công tác cứu nạn, cứu hộ khi có cháy, nổ, các sự cố, tai nạn xảy ra trên địa bàn và ở địa phương khác khi có yêu cầu, được huy động.

7. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Nhân dân trên địa bàn nắm, thực hiện. Đề xuất việc ban hành quy định, nội quy an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, tham gia thực tập phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

8. Sử dụng các trang thiết bị được trang cấp tham gia chữa cháy, cứu người, cứu tài sản, bảo vệ hiện trường vụ cháy cấp cứu nạn nhân (nếu có); đồng thời, báo cáo ngay cho Công an xã, lực lượng phòng cháy chuyên ngành (114) để xử lý kịp thời khi xảy ra các sự cố cháy, nổ.

9. Bảo vệ hiện trường, tham gia giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống các loại tội phạm.

Điều 6. Quyền hạn

1. Đôn đốc, nhắc nhở Nhân dân trong thôn, các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn chấp hành tốt các quy định của pháp luật về đảm bảo các quy định về phòng chống cháy, nổ.

2. Báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Công an xã xử lý các hành vi cố tình vi phạm trên lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy.

3. Trong khi làm nhiệm vụ chữa cháy:

- Được trang bị và sử dụng trang phục bảo hộ PCCC, các phương tiện phòng cháy, chữa cháy được trang bị theo quy định.

- Yêu cầu quần chúng Nhân dân trong khu vực giúp đỡ về phương tiện và tham gia hỗ trợ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ các vụ việc xảy ra như: Bảo vệ hiện trường, cấp cứu người bị nạn, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 7. Ngoài quyền hạn được quy định tại Điều 6 của Quy chế này; các thành viên Đội dân phòng không được: Thực hiện các yêu cầu về PCCC trái với quy

định của pháp luật; phát ngôn hoặc có hành vi cư xử thiếu văn hóa với Nhân dân; các hành vi khác mà pháp luật nghiêm cấm.

Chương III

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN CỦA LỰC LƯỢNG DÂN PHÒNG

Điều 8. Tổ chức của lực lượng dân phòng

1. Tại mỗi thôn thành lập một đội dân phòng; trường hợp thôn địa bàn rộng thì đội dân phòng có thể chia thành nhiều tổ dân phòng. Trưởng thôn, có trách nhiệm đề xuất việc thành lập và trực tiếp duy trì hoạt động của đội dân phòng.

2. Đội dân phòng có biên chế từ 10 người đến 20 người, trong đó 01 đội trưởng và 01 đội phó; biên chế trên 20 người đến 30 người được biên chế thêm 01 đội phó. Đội dân phòng có thể được chia thành các tổ dân phòng; biên chế của tổ dân phòng từ 05 đến 09 người, trong đó có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phòng.

4. Công an cấp xã có trách nhiệm trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động của các đội dân phòng.

Điều 9. Điều kiện, tiêu chuẩn của đội viên dân phòng

1. Công dân từ 18 tuổi trở lên, đủ sức khỏe, có đủ năng lực hành vi dân sự có trách nhiệm tham gia vào đội dân phòng ở nơi cư trú khi có yêu cầu.

2. Cán bộ, đội viên đội dân phòng là những người thường xuyên có mặt tại nơi cư trú.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tạo điều kiện, khuyến khích tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia phòng cháy và chữa cháy. Người tình nguyện tham gia phòng cháy và chữa cháy được bổ sung vào đội dân phòng.

4. Trường hợp cần thiết, đội viên đội dân phòng có thể là thành viên của các tổ chức bên dưới cấp xã kiêm nhiệm.

Điều 10. Chế độ hoạt động của lực lượng dân phòng

1. Đội viên dân phòng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Khi xảy ra sự cố cháy, nổ, cứu nạn - cứu hộ tại địa phương, cán bộ, đội viên dân phòng được huy động tham gia chữa cháy, cứu nạn - cứu hộ theo sự phân công của người chỉ huy chữa cháy và hướng dẫn của lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy hoặc Công an xã.

3. Đội dân phòng được huy động tham gia Hội thao Phòng cháy chữa cháy do các cấp tổ chức và tham gia diễn tập phương án chữa cháy, cứu nạn - cứu hộ và các hoạt động phòng cháy và chữa cháy khác.

4. Thời gian tham gia hoạt động của đội viên dân phòng ít nhất là 01 năm; việc thay thế, bổ sung nhân sự đội viên đội dân phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Điều 11. Huấn luyện nghiệp vụ

1. Cán bộ, đội viên đội dân phòng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy theo các nội dung sau:

a. Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng;

b. Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào quần chúng phòng cháy và chữa cháy;

c. Biện pháp phòng cháy;

d. Phương pháp xây dựng phương án và kế hoạch thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ; biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ;

đ) Phương pháp bảo quản, bảo dưỡng, thao tác sử dụng các phương tiện phòng cháy và chữa cháy;

2. Định kỳ tổ chức huấn luyện mỗi năm một lần; Huấn luyện lần đầu thời gian từ 32 giờ đến 48 giờ, huấn luyện bổ sung hàng năm thời gian không dưới 16 giờ.

3. Sau khi huấn luyện lần đầu, nếu đạt yêu cầu, cán bộ, đội viên dân phòng được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Bộ Công an.

Điều 12. Trang bị của lực lượng dân phòng

1. Cán bộ, đội viên đội dân phòng được trang bị thống nhất quần áo, giày, mũ, thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với tính chất hoạt động.

2. Cán bộ, đội viên đội dân phòng được trang bị và sử dụng phương tiện, thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ, thông tin liên lạc theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của ngành Công an.

3. Sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng các trang thiết bị PCCC: Các trang thiết bị PCCC được trang cấp hoặc do các tổ chức cá nhân ủng hộ được bảo quản tại vị trí phù hợp, dễ lấy khi cần sử dụng và phải được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ 1 tháng/1 lần. Công an xã có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý tài sản, trang thiết bị của lực lượng dân phòng tránh để xảy ra mất mát, hư hỏng.

Chương IV

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG DÂN PHÒNG

Điều 13. Chế độ

Kinh phí hoạt động của Đội dân phòng do xã hội hóa của các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp và huy động từ nguồn đóng góp tự nguyện của các cá nhân, hộ gia đình, hộ sản xuất, kinh doanh trong xã.

Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào ngân sách của địa phương trích kinh phí chi hỗ trợ cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự; kinh phí chi cho công tác phòng cháy, chữa cháy.

Điều 14. Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của lực lượng dân phòng

Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của đội dân phòng được bố trí trong ngân sách Nhà nước hàng năm và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 15. Trách nhiệm quản lý

1. Đội dân phòng chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Công an xã, thị trấn; hàng năm có kế hoạch đề xuất các cấp có chuyên môn bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các thành viên.

2. Công an xã có trách nhiệm đề xuất với Công an huyện hướng dẫn tổ chức hoạt động và huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy cho Đội dân phòng.

3. Trưởng Công xã trực tiếp quản lý, lãnh đạo và phối hợp chặt chẽ với Đội dân phòng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong đội.

Điều 16. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có thành tích xuất sắc được đề nghị các cấp khen thưởng.

Lực lượng dân phòng được xét thi đua khen thưởng hàng năm vào dịp “Ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy” 4/10 và khen thưởng đột xuất trong công tác chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định liên quan.

Điều 17. Kỷ luật

Cán bộ, đội viên dân phòng lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ để mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc có hành vi vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, đến uy tín của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; người có trách nhiệm thành lập, quản lý, duy trì hoạt động của đội dân phòng mà thiếu trách nhiệm không thành lập đội dân phòng; địa bàn có cháy mà không có lực lượng dân phòng cứu chữa thì tùy tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường cho người bị hại theo đúng quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trưởng Công an xã, thị trấn, Trưởng thôn và lực lượng dân phòng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Công an xã chịu trách nhiệm duy trì, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện. Các thành viên Đội dân phòng nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tự giác, tự nguyện thực hiện nghiêm túc các nội dung của Quy chế nhằm góp phần vào công tác an ninh, an toàn về PCCC góp phần ổn định trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ tại địa phương.

Định kỳ sơ kết, tổng kết, nhận xét, đánh giá rút kinh nghiệm kết quả thực hiện; có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung đề nghị Đội dân phòng phản ánh về Ủy ban nhân dân xã (qua Công an xã) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 19. Giao Tài chính – Kế toán xã phối hợp với Công an xã có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân xã đảm bảo kinh phí hoạt động của lực lượng dân phòng theo quy định./.

CHỦ TỊCH

Đinh Văn Bé